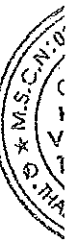


BẢN SAO

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015
Đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



Địa chỉ: 45 Lê Lợi, Thành Phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 054. 3825716

Huế, tháng 2 năm 2016

*Báo cáo của Ban Giám đốc
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC
MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

IỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015	04-07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	09
- Thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015	10 - 16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Đầu Tư và Du Lịch Huế (sau đây được gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Thành lập

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên-Huế cấp với mã số doanh nghiệp 3300260036, đăng ký lần đầu ngày 20/08/2010.

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở công ty đặt tại: 45 Lê Lợi, thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Hoạt động kinh doanh chính

- Bán hàng lưu niệm.
- Vận chuyển khách du lịch, hành khách theo hợp đồng.
- Dịch Vụ du lịch ngắn ngày (khách sạn).
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.
- Dịch vụ lễ hành quốc tế và nội địa.
- Dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm hoạt động Karaoke, vũ trường).

3. Ban giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo

Đinh Mạnh Thắng

Tổng giám Đốc

Lê Thị Thu Nguyệt

Kế toán trưởng

4. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được tóm tắt như sau:

Đơn vị: đồng

- | | |
|----------------------------|----------------|
| - Doanh thu | 27.359.281.755 |
| - Lợi nhuận chưa phân phối | 5.633.294.890 |

5. Công ty Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K đã được chỉ định kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính và đảm bảo các báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động

kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Để lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

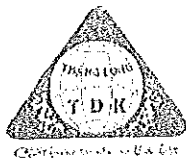
6. Ý kiến của Ban Giám đốc:

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Huế, ngày 29 tháng 02 năm 2016
Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng giám đốc



Đinh Mạnh Thắng



CHI NHÁNH CT TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

A: 42 Trần Tống, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng. T: 0511 365 1818. kiemtoantdkdanang@gmail.com.

VPĐD (thuộc CN Đà Nẵng): 44 Trương Chí Cường, Tam Kỳ, Quảng Nam. T: 0510 2243.888
243 Quang Trung, Đồng Hới, Quảng Bình. T: 052 3855 988

VP công ty: 2A tầng 1, sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT-CAHN, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.
T: 04 44500 668, F: 04 6251 1327 www.kiemtoanthanglongtdk.com, www.kiemtoanttdk.com.vn

Số: 01622/TLTDK-TC

Huế, ngày 29 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu Tư và Du Lịch Huế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu Tư và Du Lịch Huế.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu tư và Du Lịch Huế(sau đây gọi tắt là công ty), gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được lập ngày 29 tháng 02 năm 2016, từ trang 4 đến trang 16 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Đầu Tư và Du Lịch Huế tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Phạm Thị Minh Hà
Giấy Chứng nhận hành nghề Kiểm toán
Số: 2278 - 2014 - 045 - 1

Bộ Tài chính cấp ngày 22/08/2014

Giám đốc



Đào Ngọc Hoàng
Giấy Chứng nhận hành nghề Kiểm toán
Số: 0106 - 2014 - 045 - 1

Bộ Tài chính cấp ngày 22/08/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị: Đồng

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.026.945.953	8.658.580.925
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(1)	1.127.307.262	1.365.312.538
1.	Tiền	111		1.127.307.262	1.365.312.538
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
II.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.788.882.418	6.056.237.541
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(2)	1.968.896.169	1.275.692.069
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(3)	81.116.000	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	(4)	4.738.870.249	4.780.545.472
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
III.	Hàng tồn kho	140		261.345.693	271.876.126
1.	Hàng tồn kho	141	(5)	261.345.693	271.876.126
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.849.410.580	965.154.720
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.825.609.842	965.154.720
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	(6)	-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(6)	23.800.738	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: Đồng

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.027.589.586	121.696.025.418
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		22.959.838.596	10.734.932.121
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	(7)	22.959.838.596	10.734.932.121
	Nguyên giá	222		27.430.016.109	13.633.688.533
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.470.177.513)	(2.898.756.412)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224			
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227			
	Nguyên giá	228		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230			
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240			
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	(8)	102.067.750.990	110.961.093.297
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		102.067.750.990	110.961.093.297
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260			
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		135.054.535.539	130.354.606.343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: Đồng

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		86.827.151.865	86.019.829.690
I.	Nợ ngắn hạn	310		80.622.151.865	84.178.993.996
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	(9)	1.214.259.200	805.591.310
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(10)	185.000.000	312.300.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(11)	1.042.447.372	1.894.495.193
4.	Phải trả người lao động	314		55.800.000	895.720.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317			-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	(12)	75.818.391.753	78.894.113.853
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(13)	1.168.996.000	603.306.600
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12.	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		1.137.257.540	773.467.040
II.	Nợ dài hạn	330		6.205.000.000	1.840.835.694
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(14)	6.205.000.000	1.840.835.694
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.227.383.674	44.334.776.653
I.	Vốn chủ sở hữu	410	(15)	48.227.383.674	44.334.776.653
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.651.026.102	43.651.026.102
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412			-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4.	Vốn khác chủ sở hữu	414			-
5.	Cổ phiếu quỹ	415			-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.943.312.000	464.625.000
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		2.633.045.572	219.125.551
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b			-
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1.	Nguồn kinh phí	431			-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		135.054.535.539	130.354.606.343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

Huế, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Nguyệt

Kiểm soát viên



Đinh Ngọc Văn



Trưởng giám đốc

Đinh Mạnh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(16)	27.359.281.755
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		674.919.320
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.684.362.435
4.	Giá vốn hàng bán	11	(17)	21.918.380.820
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.765.981.615
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	(18)	102.640.476
7.	Chi phí tài chính	22	(19)	458.066.386
	Trong đó chi phí lãi vay	23		
8.	Chi phí bán hàng	25		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.037.572.304
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.372.983.401
11.	Thu nhập khác	31	(20)	3.268.252.409
12.	Chi phí khác	32		7.940.920
13.	Lợi nhuận khác	40		3.260.311.489
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.633.294.890
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		520.698.396
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.112.596.494

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Huế, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Tổng giám đốc

Lê Thị Thu Nguyệt

Đinh Ngọc Văn

Đinh Mạnh Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B 03 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

ĐVT: đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		5.633.294.890
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao tài sản cố định	02		1.571.421.101
	- Các khoản dự phòng	03		
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.370.892.885)
	- Chi phí lãi vay	06		458.066.386
	- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.291.889.492
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(756.445.615)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.530.433
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.999.081.818)
	(không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(860.455.122)
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(458.066.386)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(680.498.109)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(183.639.473)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.635.766.598)
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.796.327.576)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.268.252.409
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.893.342.307
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		102.640.476
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.532.092.384)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.515.189.840
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.585.336.134)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.929.853.706
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(238.005.276)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.365.312.538
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.127.307.262

Huế, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Kiểm soát viên




Lê Thị Thu Nguyệt

Đinh Ngọc Văn



Tổng giám đốc

Đinh Mạnh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên-Huế cấp với mã số doanh nghiệp 3300260036, đăng ký lần đầu ngày 20/08/2010.

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở công ty đặt tại: 45 Lê Lợi, thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán hàng lưu niệm
- Vận chuyển khách du lịch, hành khách theo hợp đồng
- Dịch Vụ du lịch ngắn ngày (khách sạn)
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống
- Dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.
- Dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm hoạt động Karaoke, vũ trường)

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (đồng).

III. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Trong năm nay, Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") sau:

- o VAS 01: Chuẩn mực chung;
- o VAS 02: Hàng tồn kho;
- o VAS 03: Tài sản cố định hữu hình;
- o VAS 14: Doanh thu và thu nhập khác;
- o VAS 21: Trình bày báo cáo tài chính;

V. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính

V.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

V.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 (sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC) của Bộ Tài chính.

V.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Các khoản dự phòng được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 (sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC) của Bộ Tài chính.

V.4. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- ♦ Nguyên giá Tài sản cố định được phản ánh theo giá thực tế.
- ♦ Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

V.5. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại, phải trả nội bộ, khoản vay và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

V.6. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng.

V.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính

Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi dịch vụ cung cấp đã hoàn thành và được khách hàng nghiệm thu, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

V.8. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- ♦ Thuế Giá trị gia tăng: VAT đầu ra là 10%.
- ♦ Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền

	31/12/2015	1/1/2015
Tiền mặt bằng tiền Việt Nam	199.856.017	284.852.078
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam	927.451.245 (i)	1.080.460.460
	1.127.307.262	1.365.312.538
(i) bao gồm:		
Ngân hàng Nông nghiệp	209.322.855	476.491.157
Ngân hàng Ngoại thương	679.559.810	603.969.303
Ngân hàng Seabank	38.568.580	
	927.451.245	1.080.460.460

02. Các khoản phải thu

	31/12/2015	01/01/2015
Phải thu khách sạn Century	24.000.000	600.000
Phải thu từ các bên thứ ba	1.944.896.169 (i)	1.275.092.069
	1.968.896.169	1.275.692.069
(i) bao gồm:		
Nguyễn Thị Bích Hồng	350.000.000	
Công ty Du Lịch Thuận Hoà	287.403.069	
Trần Thị Thanh Tuyền	145.250.000	
Công ty cổ phần nhựa Việt úc	69.159.000	
Công ty TNHH MTV Giải pháp Đa sáng Tạo	44.321.200	
Công ty TNHH du lịch không gian việt nam	44.130.000	
Công ty TNHH TM và DV Kha Trần	35.600.000	
Công ty CP Du lịch Việt Nam Vitours	33.500.000	
Phải thu các khách hàng khác	935.532.900	
	1.944.896.169	

03. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trả trước cho người bán ngắn hạn	81.116.000 (i)	
	81.116.000	
(i) bao gồm:		
Văn Phòng Luật Sư Huế	21.000.000	
Toà án Nhân dân Thành phố Huế	20.866.000	
Công ty Cổ Phần chứng khoán Đông nam á	39.250.000	
	81.116.000	

04. Các khoản phải thu khác

	31/12/2015	01/01/2015
Tạm ứng cho nhân viên	8.591.605	8.591.605
Phải thu khác	463.400.042	505.075.265
Phải trả khác dư nợ	4.266.878.602 (i)	4.266.878.602
	4.738.870.249	4.780.545.472
(i) bao gồm:		
Lợi nhuận được chia từ 1994 đến 1999	3.766.878.602	3.766.878.602
Lãng Cộ tạm ứng	500.000.000	500.000.000
Phải thu khác		
	4.266.878.602	4.266.878.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

05. Hàng tồn kho

	31/12/2015	01/01/2015
Nguyên liệu, vật liệu	102.411.073	96.938.447
Giá mua hàng hóa	158.934.620	174.937.679
	261.345.693	271.876.126

06. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
Thuế GTGT được hoàn	23.800.738	-
	23.800.738	-

07. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.710.592.669	1.270.039.501	3.552.796.364	100.259.999	13.633.688.533
Mua trong năm	1.250.630.103	736.952.020	11.808.745.453		13.796.327.576
Số dư cuối năm	9.961.222.772	2.006.991.521	15.361.541.817	100.259.999	27.430.016.109
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.695.548.260	652.205.679	524.163.794	26.838.679	2.898.756.412
Khấu hao trong năm	600.140.500	217.006.482	742.117.569	12.156.550	1.571.421.101
Số dư cuối năm	2.295.688.760	869.212.161	1.266.281.363	38.995.229	4.470.177.513
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.015.044.409	617.833.822	3.028.632.570	73.421.320	10.734.932.121
Tại ngày cuối năm	7.665.534.012	1.137.779.360	14.095.260.454	61.264.770	22.959.838.596

08. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn liên doanh Century	101.812.750.990	101.706.093.297
Vốn liên doanh (Công viên nước)	255.000.000	255.000.000
Vốn liên doanh Mondial		9.000.000.000
	102.067.750.990	110.961.093.297

09. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả người bán ngắn hạn	1.214.259.200 (i)	805.591.310
	1.214.259.200	805.591.310

(i) bao gồm:

Công ty CP cơ khí XD COXANO	290.495.000
Công ty TNHH Thương mại Vận tải San Hiền	264.590.000
Trần Thị Bé	111.926.000
Đoàn Văn Tấn	108.556.500
Hoàng Thị Vui	98.536.000
Trần Thị Liên	65.528.000
Trần Thị Minh Tâm	63.197.500
Nguyễn Thị Thanh Xuân	59.973.500
Lê Văn Long	46.580.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	104.876.700
	1.214.259.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	185.000.000 (i)	312.300.000
	185.000.000	312.300.000
(i) bao gồm:		
Công ty May mặc Tín phát	15.000.000	
Khách hàng đặt cọc tiệc cưới	170.000.000	
	185.000.000	

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế giá trị gia tăng		552.099.435
Thuế thu nhập doanh nghiệp	395.078.755	554.878.468
Thuế thu nhập cá nhân	23.854.099	527.640
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	621.397.018	621.397.018
Các loại thuế khác	2.117.500	165.592.632
	1.042.447.372	1.894.495.193

12. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả, phải nộp khác	75.818.391.753 (i)	78.894.113.853
	75.818.391.753	78.894.113.853
(i) bao gồm:		
Bảo hiểm xã hội	50.193.491	
Công ty Hương Giang	229.249.000	229.249.000
Công ty Xổ số chuyển tiền	57.058.000.000	57.058.000.000
Phải trả Century	18.480.949.262	18.480.949.262
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Huế		2.000.000.000
Thuế chuyển nhượng khách sạn Thuận Hóa		812.230.500
Thuế chuyển nhượng Thiên An		313.685.091
	75.818.391.753	78.894.113.853

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Vay ngân hàng Nông nghiệp	1.168.996.000	603.306.600
	1.168.996.000	603.306.600

14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Vay ngân hàng Nông nghiệp	6.205.000.000	1.840.835.694
	6.205.000.000	1.840.835.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)



15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm trước	43.651.026.102			(177.346.775)	43.473.679.327
Lợi nhuận sau thuế năm trước				1.977.310.736	1.977.310.736
Trích lập các quỹ		464.625.000	219.125.551	(683.750.551)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi				(865.000.000)	-
Giảm khác				(251.213.410)	(251.213.410)
Số dư cuối năm trước	43.651.026.102	464.625.000	219.125.551	-	44.334.776.653
Số dư đầu năm nay	43.651.026.102	464.625.000	219.125.551	-	44.334.776.653
Lợi nhuận sau thuế năm nay				5.112.596.494	5.112.596.494
Trích lập các quỹ		1.478.687.000	2.413.920.021	(3.892.607.021)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi				(1.036.350.000)	(1.036.350.000)
Giảm khác				(183.639.473)	(183.639.473)
Số dư cuối năm nay	43.651.026.102	1.943.312.000	2.633.045.572	-	48.227.383.674

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo Kết Quả KD

16. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Năm 2015
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	27.359.281.755
	<u>27.359.281.755</u>

17. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015
Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ	21.918.380.820
	<u>21.918.380.820</u>

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	102.640.476
	<u>102.640.476</u>

19. Chi phí tài chính

	Năm 2015
Chi phí lãi vay	458.066.386
	<u>458.066.386</u>

20. Thu nhập khác

	Năm 2015
Thu nhập chuyển nhượng vốn Cty TNHH Mondial Huế	3.266.484.000
Thu nhập thanh lý tài sản	1.768.409
	<u>3.268.252.409</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2015 không có giao dịch hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của công ty. Vì vậy Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở Công ty sẽ hoạt động liên tục.

VIII. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

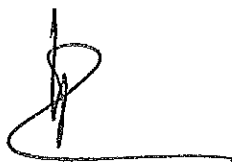
Các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Tổng giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành.

Kế toán trưởng



Lê Thị Thu Nguyệt

Kiểm soát viên



Đinh Ngọc Văn

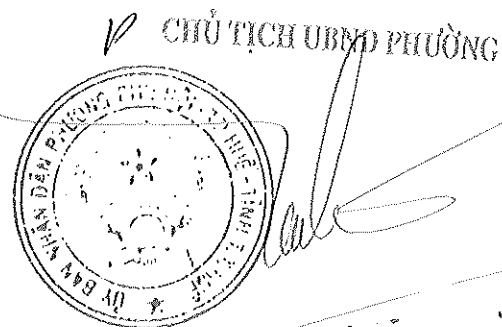
Huế, ngày 29/12/2015, 02 năm 2016



Đinh Mạnh Thắng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7.292. Quyển số: 2.../SCT/BS

29-07-2016



Hà Trọng Hùng